

UBND TỈNH BẮC NINH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL
BẮC ĐUÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 245/BD-CBTTDN
V/v công bố thông tin doanh nghiệp
theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Từ Sơn, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục Phát triển doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về việc công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước;

Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuông báo cáo nội dung công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định như sau:

1. Báo cáo mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh năm 2026.
2. Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCHC.

Q.CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Ty

Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số 245/BĐ-CBTTDN ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đuống)

CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL

BẮC ĐUỐNG

MST: 2300109040

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Từ Sơn, ngày 30 tháng 3 năm 2026

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống (gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích. Công ty có nhiệm vụ quản lý và vận hành một hệ thống thủy lợi liên tỉnh với 408 trạm bơm lớn nhỏ, sông Ngũ Huyện Khê với chiều dài 33km (đoạn qua tỉnh Bắc Ninh dài khoảng 24km), 270 tuyến kênh với tổng chiều dài là 774km. Hệ thống thủy lợi phục vụ cung cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế cho khoảng trên 50.000ha diện tích trong lưu vực của 26 xã, phường trong tỉnh Bắc Ninh và một phần diện tích của 03 xã thuộc thành phố Hà Nội. Quản lý và thực hiện một số dự án xây dựng cơ bản do UBND tỉnh giao.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

*** Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

+ Chỉ tiêu diện tích được tính doanh thu theo kế hoạch hợp đồng tưới tiêu năm 2026: 49.279ha. Trong đó:

. Công ty phục vụ trong tỉnh: 47.283ha.

. Công ty phục vụ tỉnh ngoài: 1.996ha.

+ Chỉ tiêu doanh thu:

Doanh thu từ sản phẩm DVCI thủy lợi: 63,13 tỷ đồng. Trong đó:

Công ty phục vụ trong tỉnh: 60,95 tỷ đồng.

Công ty phục vụ tỉnh ngoài: 2,18 tỷ đồng.



- Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm 2026:

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

| TT | Các chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch 2026 |
|----|---|-------------|---------------|
| 1 | Các chỉ tiêu sản lượng chính: Tươi, tiêu cung cấp nước | ha | 49.279 |
| - | Diện tích tưới tiêu phục vụ được hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (trong tỉnh) | ha | 47.283 |
| - | Diện tích tưới tiêu phục vụ không được hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (tỉnh ngoài) | ha | 1.996 |
| 2 | Doanh thu | Tỷ đồng | 63,13 |
| - | Doanh thu từ hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (trong tỉnh) | Tỷ đồng | 60,95 |
| - | Doanh thu sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (thu tỉnh ngoài) | Tỷ đồng | 2,18 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | - |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | - |
| 5 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 1,11 |
| 6 | Tổng vốn đầu tư | Tỷ đồng | - |
| 7 | Kim ngạch xuất khẩu | Tỷ đồng | - |



**Công ty TNHH MTV Khai Thác
Công Trình Thủy Lợi Bắc Đuống**

Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đệ trình báo cáo tài chính đã được kiểm toán phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ngày thành lập

Công ty được thành lập tại tỉnh Bắc Ninh là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ vào ngày 12 tháng 7 năm 2010.

Trụ sở đăng kí

Số 582, đường Trần Phú, Phường Từ Sơn
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị; Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp; Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương, giám sát công trình thủy lợi đến cấp I.

Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại trang 5.

Các chỉ số tài chính của doanh nghiệp

| Các khoản mục | Đơn vị | 2025 | 2024 |
|--|--------|-------|-------|
| Cơ cấu tài sản và nguồn vốn | | | |
| 1.1 Cơ cấu tài sản | | | |
| a. Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 97 | 99 |
| b. Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 3 | 1 |
| 1.2 Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| a. Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 2 | 1 |
| b. Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 98 | 99 |
| Khả năng thanh toán | | | |
| 2.1 Tỷ lệ tổng tài sản so với tổng nợ phải trả | lần | 51,45 | 83,71 |
| 2.2 Tỷ lệ tài sản ngắn hạn so với nợ ngắn hạn | lần | 1,70 | 0,97 |
| 2.3 Tỷ lệ tiền mặt so với nợ ngắn hạn | lần | 0,82 | 0,87 |



Ban Lãnh đạo

Chủ tịch điều hành Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Ty Q. Chủ tịch

Ban Lãnh đạo điều hành Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

| | | |
|-----------------------|-------------------|--|
| Ông Nguyễn Như Tuấn | Giám Đốc | |
| Ông Nguyễn Trang | Phó Giám Đốc | |
| Ông Nguyễn Tất Hoàn | Phó Giám Đốc | |
| Ông Nguyễn Việt Quang | Phó Giám Đốc | |
| Ông Phạm Ngọc Sơn | Phó Giám Đốc | |
| Bà Đặng Thị Dung | Phụ trách kế toán | (Phụ trách từ ngày 19 tháng 12 năm 2025) |
| Ông Trần Trọng Thiêm | Kế Toán trưởng | (Từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 đến 14 tháng 12 năm 2025) |
| Ông Trần Trọng Thiêm | Kiểm soát viên | (Từ ngày 15 tháng 12 năm 2025) |



Vốn góp

Thông tin chi tiết về biến động của số vốn góp của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được trình bày trong thuyết minh số 17 của báo cáo tài chính.

Kiểm toán

Công ty TNHH NEXIA STT là kiểm toán viên của Công ty.

Báo cáo của Ban Lãnh đạo

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, bảng cân đối kế toán, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng các thuyết minh đính kèm, đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Nguyễn Văn Ty
Q. Chủ tịch

Bắc Ninh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Bắc Đuống**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Bắc Đuống được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 3 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm 2024 (kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024) được kiểm toán bởi Công ty khác, phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2025 đưa ra ý kiến ngoại trừ về tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Audit. Tax. Advisory.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 của báo cáo tài chính đã chỉ ra rằng Công ty đang ghi nhận tài sản thiếu chờ xử lý với giá trị 43.735.687.840 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Đây là giá trị còn lại của các tài sản đã không còn tồn tại theo kết quả kiểm kê thực tế nhưng vẫn được phản ánh trên sổ sách. Theo Kế hoạch xử lý tài sản sau kiểm kê năm 2025 được ban hành ngày 25 tháng 3 năm 2026, Công ty sẽ lập và gửi tờ trình lên Ủy Ban Nhân Dân, Sở tài chính, Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Bắc Ninh. Công ty dự kiến sẽ hoàn thành quy trình trong năm 2026.

Ý kiến của chúng tôi không ngoại trừ đối với vấn đề này.



Công ty TNHH NEXIA STT
Nguyễn Việt Nga
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 2041-2023-225-1



Đỗ Mai Anh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 6022-2024-225-1

Báo cáo kiểm toán số: 69/048-2026HN/AUD/Bac Duong

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND (Điều chỉnh lại) |
|---|--------------|--------------------|---------------------------|--|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 95.539.618.897 | 26.726.441.307 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 3 | 45.975.039.288 | 23.907.834.558 |
| Tiền | 111 | | 45.975.039.288 | 23.904.834.558 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 3.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 48.333.263.060 | 1.345.583.142 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4 | 1.344.494.668 | 325.987.131 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 1.723.979.830 | 14.072.830 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5 | 1.529.100.722 | 1.005.523.181 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 6 | 43.735.687.840 | - |
| Hàng tồn kho | 140 | 7 | 1.115.423.823 | 1.447.134.600 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 1.115.423.823 | 1.447.134.600 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 115.892.726 | 25.889.007 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 13 | 115.892.726 | 25.889.007 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 2.804.078.110.919 | 2.270.916.869.680 |
| Tài sản cố định | 220 | | 2.337.834.752.916 | 1.412.397.632.326 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 2.337.834.752.916 | 1.412.397.632.326 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 2.470.141.630.835 | 1.548.939.105.677 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (132.306.877.919) | (136.541.473.351) |
| Tài sản vô hình | 227 | 9 | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 304.466.000 | 304.466.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (304.466.000) | (304.466.000) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 10 | 466.228.389.292 | 858.494.694.842 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 466.228.389.292 | 858.494.694.842 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 14.968.711 | 24.542.512 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 14.968.711 | 24.542.512 |
| TỔNG TÀI SẢN | 270 | | 2.899.617.729.816 | 2.297.643.310.987 |

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND (Điều chỉnh lại) |
|---|------------|-------------|--------------------------|---------------------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 56.356.554.673 | 25.994.801.753 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 11 | 56.356.554.673 | 25.994.801.753 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 12 | 30.061.925.460 | 15.167.127.658 |
| Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước | 313 | 13 | 376.586.822 | 379.040.362 |
| Phải trả người lao động | 314 | 14 | 287.288.000 | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 15 | 11.535.325.583 | 5.230.507.201 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 0 | 14.095.428.808 | 5.218.126.532 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.843.261.175.143 | 2.271.648.509.234 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 17 | 2.843.051.856.643 | 2.269.986.762.584 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 2.394.412.076.177 | 1.430.273.507.347 |
| Lỗi lũy kế | 421 | | (4.189.310.221) | - |
| Lỗi năm nay | 421a | | (4.189.310.221) | - |
| Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | 452.829.090.687 | 839.713.255.237 |
| Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 18 | 209.318.500 | 1.661.746.650 |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | 1.452.428.150 |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | 209.318.500 | 209.318.500 |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.899.617.729.816 | 2.297.643.310.987 |

Người lập:

Ngô Thị Ngọc Yến
Kế toán
Bắc Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người kiểm tra:

Đặng Thị Dung
Phụ trách kế toán

Người Phụ trách:

Trần Trọng Thiêm
Kiểm soát viên

Người duyệt:

Nguyễn Văn Ty
Q. Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

| | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND | 2024 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 19 | 221.026.544.385 | 193.751.174.460 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 221.026.544.385 | 193.751.174.460 |
| Giá vốn hàng bán/dịch vụ cung cấp | 11 | 20 | (211.902.487.835) | (181.916.648.009) |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 9.124.056.550 | 11.834.526.451 |
| Doanh thu tài chính | 21 | 21 | 113.544.189 | 71.026.711 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 22 | (13.449.822.660) | (12.699.097.212) |
| Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (4.212.221.921) | (793.544.050) |
| Thu nhập khác | 31 | 23 | 22.911.700 | 866.308.050 |
| Chi phí khác | 32 | | - | (72.764.000) |
| Lợi nhuận khác | 40 | | 22.911.700 | 793.544.050 |
| Lỗ kế toán trước thuế | 50 | | (4.189.310.221) | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 25 | - | - |
| Lỗ sau thuế TNDN | 60 | | (4.189.310.221) | - |

Người lập:



Ngô Thị Ngọc Yến
Kế toán
Bắc Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người kiểm tra:



Đặng Thị Dung
Phụ trách kế toán

Người Phụ trách:



Trần Trọng Thiêm
Kiểm soát viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Ty
Q. Chủ tịch



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

| | Mã số | Thuyết minh | 2025 VND | 2024 VND (Điều chỉnh lại) |
|--|-----------|-------------|-------------------------|---------------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lỗ trước thuế | 01 | | (4.189.310.221) | - |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 15.000.000.000 | 14.500.000.000 |
| Lãi từ các hoạt động đầu tư | 05 | | (113.544.189) | (855.663.075) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 10.697.145.590 | 13.644.336.925 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | | (3.341.995.797) | 3.935.967.589 |
| Giảm hàng tồn kho | 10 | | 331.710.777 | 66.558.726 |
| Tăng các khoản phải trả và các khoản nợ khác | 11 | | 25.414.163.494 | 3.355.495.158 |
| Giảm các chi phí trả trước | 12 | | 9.573.801 | 22.311.170 |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 19.321.000.000 | 15.722.000.000 |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (10.255.298.324) | (14.413.218.370) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 42.176.299.541 | 22.333.451.198 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (20.222.639.000) | (18.819.508.170) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 784.636.364 |
| Tiền thu lãi | 27 | | 113.544.189 | 71.026.711 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (20.109.094.811) | (17.963.845.095) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 22.067.204.730 | 4.369.606.103 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 23.907.834.558 | 19.538.228.455 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 3 | 45.975.039.288 | 23.907.834.558 |

Các thuyết minh đính kèm là một phần không tách rời của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

Trong năm có những giao dịch phi tiền tệ chủ yếu như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|---------------------|---------------------|
| Nguyên giá tài sản cố định do Công ty nhận được thông qua hình thức góp vốn pháp định | 964.138.568.830 | 71.953.764.000 |

Người lập:



Ngô Thị Ngọc Yến
Kế toán
Bắc Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người kiểm tra:



Đặng Thị Dung
Phụ trách kế toán

Người Phụ trách:



Trần Trọng Thiêm
Kiểm soát viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Ty
Q. Chủ Tịch



CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUỐNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Các thuyết minh này là một phần không thể tách rời và nên đọc cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Công ty TNHH Một Thành Viên Khai Thác Công Trình Thủy Lợi Bắc Đuống ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300109040 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12 tháng 7 năm 2010 và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 17 tháng 11 năm 2021 (sau đây được gọi chung là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh).

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị; Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp; Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương, giám sát công trình thủy lợi đến cấp I.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và theo định nghĩa của Luật Doanh nghiệp Việt Nam tương ứng là 514.557.654.819 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 567 nhân viên (31/12/2024: 586 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau như sau:

| Tên | Địa chỉ | Hoạt động chính |
|---|---|--|
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống – Xí nghiệp Dịch vụ Tư vấn và Xây dựng | Số 120, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Tư vấn, thiết kế, sửa chữa công trình thủy lợi |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Từ Sơn | Đường Lý Đạo Thành, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh | Khai thác công trình thủy lợi |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Tiên Du | Số 78, đường Nguyễn Đăng Đạo, xã Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh | Khai thác công trình thủy lợi |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi thành phố Bắc Ninh | Số 120, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh | Khai thác công trình thủy lợi |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Yên Phong | Phố mới, xã Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh | Khai thác công trình thủy lợi |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Quế Võ | Khu 4, phường Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh | Khai thác công trình thủy lợi |
| Xí nghiệp Đầu mối Trịnh Xá – Long Tửu | Khu phố Trịnh Nguyễn, Phường Châu Khê, tỉnh Bắc Ninh | Khai thác công trình thủy lợi |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày với đơn vị Đồng Việt Nam ("VND"), được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích và theo nguyên tắc giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán trong năm và nhất quán với các chính sách đã được áp dụng trong năm trước.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Sử dụng các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Lãnh đạo phải đưa ra các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến giá trị tài sản và công nợ, đến việc trình bày các khoản mục tài sản và công nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính, và doanh thu và chi phí phát sinh trong năm báo cáo. Kết quả thực tế có thể có sự khác biệt so với các ước tính này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kì hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao với kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được xác định theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận trên cơ sở nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá và ghi nhận vào nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 50 năm |
| ▪ Máy móc và thiết bị | 8 - 20 năm |
| ▪ Phương tiện vận chuyển | 5 - 10 năm |
| ▪ TSCĐ dùng trong quản lý | 5 - 10 năm |
| ▪ TSCĐ hữu hình khác | 10 năm |

Ngoại trừ những tài sản của đơn vị khai thác thủy lợi không phải trích khấu hao theo Thông tư 45/2013/TT-BTC, các tài sản còn lại được trích khấu hao theo nguồn khấu hao cơ bản được cấp.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

Tài sản vô hình

Sáng kiến hút chân không

Sáng kiến hút chân không được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá ban đầu của sáng kiến hút chân không bao gồm giá trị của quyền sở hữu được ghi nhận trong nguyên giá và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sở hữu sáng kiến chân không. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn:

Công cụ dụng cụ và thiết bị

Công cụ dụng cụ và thiết bị bao gồm tài sản được Công ty nắm giữ để sử dụng cho kỳ kinh doanh thông thường có nguyên giá dưới 30 triệu VND và không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ dụng cụ và thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

Các khoản phải trả và trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hiện hành phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ/năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ khen thưởng và phúc lợi được cấp từ lợi nguồn Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt chi bởi Ban Lãnh đạo Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên tỷ lệ công việc thực tế đã thực hiện trên tổng khối lượng công việc cần hoàn thành. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu đã đến hạn.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 nhằm hướng dẫn áp dụng các Chuẩn mực Lập và trình bày Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan tới việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan tới việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Giá trị ghi sau lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn trong Thông tư 210 về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp và cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều trung gian kiểm soát hoặc kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của một công ty, bao gồm công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết. Các tổ chức và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp có quyền biểu quyết ảnh hưởng quan trọng trong việc kinh doanh của Công ty, các cá nhân tham gia điều hành Công ty cấp cao bao gồm các giám đốc và các nhân viên trong Công ty cũng như người thân của các cá nhân này cùng các Công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Việc xác định các mối quan hệ với các bên liên quan phụ thuộc trực tiếp đến bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

Số dư bằng không

Các tài khoản hoặc khoản mục có số dư bằng không theo Chế độ Kế toán Việt Nam sẽ không được phản ánh trên báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND (Điều chỉnh lại) |
|---|---------------------------------|--|
| Tiền mặt | 1.911.838.322 | 763.119.046 |
| Tiền gửi ngân hàng | 44.063.200.966 | 23.141.715.512 |
| | <hr/> 45.975.039.288 | <hr/> 23.904.834.558 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 3.000.000 |
| | <hr/> 45.975.039.288 | <hr/> 23.907.834.558 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ | <hr/> <hr/> 45.975.039.288 | <hr/> <hr/> 23.907.834.558 |

Không có tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là ngoại tệ khác đồng tiền trong nước – Đồng Việt Nam (31/12/2024: không có).

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Phải thu từ khách hàng | | |
| Công ty TNHH MTV Thủy lợi Hà Nội | 1.320.970.778 | 302.463.241 |
| UBND xã Gia Lâm | 23.523.890 | 23.523.890 |
| | <hr/> 1.344.494.668 | <hr/> 325.987.131 |
| | <hr/> <hr/> 1.344.494.668 | <hr/> <hr/> 325.987.131 |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

5. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND (Điều chỉnh lại) |
|---|---------------------------------|--|
| Ngắn hạn | | |
| Ngân sách cấp | 99.416.513 | 287.011.513 |
| Kinh phí cho các Xí nghiệp | 985.139.658 | 443.378.117 |
| Tạm ứng cho nhân viên | 10.604.000 | - |
| Phải thu khác | 433.940.551 | 275.133.551 |
| | 1.529.100.722 | 1.005.523.181 |
| Trong đó: | | |
| <i>Phải thu khác</i> | <i>543.961.064</i> | <i>562.145.064</i> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | | |
| <i>Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi</i> | <i>985.139.658</i> | <i>443.378.117</i> |
| <i>Bắc Đương – Xí nghiệp dịch vụ</i> | | |

6. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

Thể hiện giá trị tài sản cố định hiện không còn trên thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và đang chờ được xử lý (xem Thuyết minh 8).

7. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2025 VND | | 31/12/2024 VND | |
|-----------------------|---------------------------------|-----------------|---------------------------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.114.235.688 | - | 1.437.737.534 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.188.135 | - | 9.397.066 | - |
| TỔNG CỘNG | 1.115.423.823 | - | 1.447.134.600 | - |

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯỜNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| Nguyên giá | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận chuyển VND | TSCĐ dùng trong quản lý VND | TSCĐ hữu hình khác VND | Tổng cộng VND |
|--|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|-------------------|
| Số dư đầu năm | 1.142.240.944.012 | 402.816.050.640 | 748.000.000 | 1.175.795.147 | 1.958.315.878 | 1.548.939.105.677 |
| Tăng trong năm từ nguồn tự đầu tư | 8.508.960.000 | 11.713.679.000 | - | - | - | 20.222.639.000 |
| Được bàn giao không qua đầu tư trong năm | 387.189.157.509 | 22.215.341.919 | - | - | - | 409.404.499.428 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở đang | 419.269.447.775 | 135.464.621.627 | - | - | - | 554.734.069.402 |
| Phân loại lại (*) | (28.421.983.825) | (34.668.240.170) | - | (68.458.677) | - | (63.158.682.672) |
| Số dư cuối năm | 1.928.786.525.471 | 537.541.453.016 | 748.000.000 | 1.107.336.470 | 1.958.315.878 | 2.470.141.630.835 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 71.939.591.337 | 61.517.795.275 | 721.285.714 | 828.383.797 | 1.534.417.228 | 136.541.473.351 |
| Điều chỉnh | 304.465.997 | - | - | (24.685.000) | - | 279.780.997 |
| Khấu hao trong năm | 5.216.581.548 | 9.467.023.169 | 26.714.286 | 9.900.000 | 188.399.400 | 14.908.618.403 |
| Phân loại lại (*) | (9.103.823.831) | (10.250.712.324) | - | (68.458.677) | - | (19.422.994.832) |
| Số dư cuối năm | 68.356.815.051 | 60.734.106.120 | 748.000.000 | 745.140.120 | 1.722.816.628 | 132.306.877.919 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.070.301.352.675 | 341.298.255.365 | 26.714.286 | 347.411.350 | 423.898.650 | 1.412.397.632.326 |
| Số dư cuối năm | 1.860.429.710.420 | 476.807.346.896 | - | 362.196.350 | 235.499.250 | 2.337.834.752.916 |

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 20.998.605.757 VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: 19.743.522.043 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

(*) Đây là các tài sản đã không còn hiện hữu thực tế, nhưng vẫn được theo dõi trong sổ sách. Theo Kế hoạch xử lý tài sản sau kiểm kê năm 2025 được ban hành ngày 25 tháng 3 năm 2026, Công ty sẽ lập và gửi tờ trình lên Ủy Ban Nhân Dân, Sở tài chính, Sở nông nghiệp và môi trường tỉnh Bắc Ninh. Công ty dự kiến sẽ hoàn thành quy trình trong năm 2026.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUỐNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

9. TÀI SẢN VÔ HÌNH

| | Sáng kiến hút chân không VND |
|-------------------------------|---|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 304.466.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 304.466.000 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | - |

Tài sản vô hình với nguyên giá 304.466.000 triệu VND đã hao mòn hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: 304.466.000 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

10. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 858.494.694.842 | 826.027.918.842 |
| Tăng trong năm | 182.690.402.852 | 75.332.614.000 |
| Chuyển sang tài sản | (574.956.708.402) | (42.865.838.000) |
| <i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình từ nguồn xây dựng cơ bản</i> | <i>(554.734.069.402)</i> | <i>(39.523.702.000)</i> |
| <i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình từ nguồn tự đầu tư</i> | <i>(20.222.639.000)</i> | <i>(3.342.136.000)</i> |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 466.228.389.292 | 858.494.694.842 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |
| Dự án chính | 31/12/2025 VND | 31/12/2024 VND |
| Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê | 46.321.432.000 | 211.015.254.500 |
| Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh | 189.152.384.908 | 177.890.685.908 |
| Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hậu | - | 62.145.691.750 |
| Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên | 52.124.546.000 | 52.146.600.000 |
| Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1 | - | 49.696.507.000 |
| Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Phúc Lộc | - | 39.399.830.500 |
| Cải tạo nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (trong đồng) | 27.360.000.000 | 25.962.849.800 |
| Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phấn Động, Kim Đồi 2 | - | 48.394.272.000 |
| Cải tạo nâng cấp kênh tiêu chính trạm bơm Tri Phương | 19.498.494.126 | 21.706.166.126 |
| Các dự án khác | 131.771.532.258 | 170.136.837.258 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 466.228.389.292 | 858.494.694.842 |
| | <hr/> <hr/> | <hr/> <hr/> |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUỐNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

11. NỢ NGẮN HẠN

Không có các khoản nợ ngắn hạn không phải VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: không có).

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2025 | | 31/12/2024 | |
|---|-----------------------|------------------------------|-----------------------|------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| <i>Phải trả người bán</i> | | | | |
| Công ty TNHH Xây dựng Tiến Cường | 4.936.910.000 | 4.936.910.000 | 3.251.996.640 | 3.251.996.640 |
| Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Nam Việt | 2.593.525.000 | 2.593.525.000 | 1.937.529.000 | 1.937.529.000 |
| Viện Kỹ thuật công trình | 2.103.119.000 | 2.103.119.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Minh Phát | 1.814.314.000 | 1.814.314.000 | 1.060.622.284 | 1.060.622.284 |
| Công ty TNHH Phong Minh Thịnh | 1.353.670.400 | 1.353.670.400 | 1.964.888.000 | 1.964.888.000 |
| Điện lực Bắc Ninh | - | - | 1.206.311.520 | 1.206.311.520 |
| Phải trả các đối tượng khác | 17.260.387.060 | 17.260.387.060 | 5.745.780.214 | 5.745.780.214 |
| | 30.061.925.460 | 30.061.925.460 | 15.167.127.658 | 15.167.127.658 |

Không có các khoản nợ ngắn hạn không phải VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: không có).

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯỜNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

| | 1/1/2025 (Điều chỉnh lại) VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Bù trừ VND | 31/12/2025 VND |
|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|---------------------|----------------------|
| Phải nộp | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 379.040.362 | 753.606.588 | (756.060.128) | - | 376.586.822 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 192.243.301 | (282.247.020) | 90.003.719 | - |
| Thuế nhà đất và tiền thuế đất | - | 1.271.386.247 | (1.271.386.247) | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 9.000.000 | (9.000.000) | - | - |
| | 379.040.362 | 2.226.236.136 | (2.318.693.395) | 90.003.719 | 376.586.822 |
| Phải thu | | | | | |
| Thuế thu nhập cá nhân | (25.889.007) | - | - | (90.003.719) | (115.892.726) |
| | (25.889.007) | - | - | (90.003.719) | (115.892.726) |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thể hiện chi phí lương tháng 12 năm 2025 phải trả cho nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Khoản chi phí lương này đã được Công ty chi trả cho người lao động trong tháng 1 năm 2026.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2025 | 31/12/2024 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Kinh phí công đoàn | 57.370 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 11.535.268.213 | 5.230.507.201 |
| <i>Đội xây lắp</i> | - | 1.247.256.675 |
| <i>Các đơn vị phụ thuộc</i> | 731.938.632 | 631.412.632 |
| <i>Phòng Quản lý nước (Tiền thẩm tra)</i> | 149.130.765 | 214.348.765 |
| <i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú</i> | | |
| <i>Diễn</i> | 200.000.000 | 200.000.000 |
| <i>Chi phí nguồn Ban Quản Lý Công Trình</i> | 2.743.793.160 | 62.382.074 |
| <i>Chi phí phải trả các Chi nhánh, Xí nghiệp</i> | 3.979.952.866 | 352.520.753 |
| <i>Trạm bơm mới</i> | 22.104.000 | 22.104.000 |
| <i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i> | 3.708.348.790 | 2.500.482.302 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 11.535.325.583 | 5.230.507.201 |
| | <hr/> | <hr/> |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| <i>Phải trả khác</i> | 7.555.372.717 | 5.059.712.448 |
| <i>Phải trả khác cho các bên liên quan</i> | | |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi thành phố | | |
| Bắc Ninh | 522.782.815 | 30.990.005 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Quế Võ | 1.055.852.035 | 129.804.748 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Tiên Du | 789.028.114 | - |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Từ Sơn | 453.902.526 | 10.000.000 |
| Xí nghiệp Đầu mối Trịnh Xá – Long Tửu | 298.870.075 | - |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Yên Phong | 859.517.301 | - |

Các khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi suất và không có thời gian hoàn trả cố định.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 1/1/2025 VND | Số được cấp trong năm VND | Số đã chi trả trong năm VND | 31/12/2025 VND |
|-----------------|------------------------|---|---|--------------------------|
| Phải nộp | | | | |
| Quỹ khen thưởng | 3.048.023.736 | 12.881.000.000 | (5.202.599.924) | 10.726.423.812 |
| Quỹ phúc lợi | 1.746.204.146 | 6.440.000.000 | (5.052.698.400) | 3.133.505.746 |
| Quỹ khác | 423.898.650 | - | (188.399.400) | 235.499.250 |
| | 5.218.126.532 | 19.321.000.000 | (10.443.697.724) | 14.095.428.808 |

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU/VỐN CỔ PHẦN

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm như sau:

| | Vốn góp của chủ sở hữu VND | Nguồn vốn đầu tư XDCB (*) VND | Lỗ lũy kế VND | Tổng cộng VND |
|--|--|---|-------------------------|-------------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 | 1.358.319.743.347 | 818.396.651.237 | - | 2.176.716.394.584 |
| Tăng vốn trong năm | 71.953.764.000 | 60.840.306.000 | - | 132.794.070.000 |
| Điều chuyển quyết toán hoàn thành | - | (39.523.702.000) | - | (39.523.702.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 | 1.430.273.507.347 | 839.713.255.237 | - | 2.269.986.762.584 |
| Tăng vốn trong năm | 964.138.568.830 | 167.849.904.852 | - | 1.131.988.473.682 |
| Điều chuyển quyết toán hoàn thành | - | (554.734.069.402) | - | (554.734.069.402) |
| Lỗ thuần trong năm | - | - | (4.189.310.221) | (4.189.310.221) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 2.394.412.076.177 | 452.829.090.687 | (4.189.310.221) | 2.843.051.856.643 |

Vốn điều lệ được duyệt của Công ty đã được góp đầy đủ bởi Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bắc Ninh.

(*) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp được hình thành do Ngân sách cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của đơn vị được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản ở doanh nghiệp chấp hành và tôn trọng các quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản hiện hành. Mỗi khi công tác xây dựng và mua sắm tài sản cố định hoàn thành, tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, kế toán tiến hành các thủ tục quyết toán vốn đầu tư của từng công trình, hạng mục công trình.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i> | | |
| Số dư đầu năm | 1.430.273.507.347 | 1.358.319.743.347 |
| Góp vốn bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bắc Ninh thông qua chuyển giao tài sản | 964.138.568.830 | 71.953.764.000 |
| | 2.394.412.076.177 | 1.430.273.507.347 |
| | 2.394.412.076.177 | 1.430.273.507.347 |

18. NGUỒN KINH PHÍ

| | 1/1/2025 (Điều chỉnh lại) VND | Số đã được cấp trong năm VND | Số đã trả lại trong năm VND | Số đã được duyet trong năm VND | 31/12/2025 VND |
|---|--|---|--|---|---------------------------------|
| Nguồn kinh phí | 1.452.428.150 | 218.835.000.000 | (1.452.428.150) | (218.835.000.000) | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ | 209.318.500 | - | - | - | 209.318.500 |
| | 1.661.746.650 | 218.835.000.000 | (1.452.428.150) | (218.835.000.000) | 209.318.500 |
| | 1.661.746.650 | 218.835.000.000 | (1.452.428.150) | (218.835.000.000) | 209.318.500 |

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2025 VND | 2024 VND |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 221.026.544.385 | 193.751.174.460 |
| | 221.026.544.385 | 193.751.174.460 |
| | 221.026.544.385 | 193.751.174.460 |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN/DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---------------------------------|---------------------|---------------------|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 211.902.487.835 | 181.916.648.009 |
| | 211.902.487.835 | 181.916.648.009 |
| | 211.902.487.835 | 181.916.648.009 |

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--------------|---------------------|---------------------|
| Lãi tiền gửi | 113.544.189 | 71.026.711 |
| | 113.544.189 | 71.026.711 |
| | 113.544.189 | 71.026.711 |

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-------------------------------|---------------------|---------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 123.704.000 | 209.407.000 |
| Chi phí nhân công | 11.457.047.335 | 10.973.145.868 |
| Chi phí khấu hao | 265.331.355 | 250.463.916 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.030.786.970 | 366.954.245 |
| Chi phí bằng tiền khác | 572.953.000 | 899.126.183 |
| | 13.449.822.660 | 12.699.097.212 |
| | 13.449.822.660 | 12.699.097.212 |

23. THU NHẬP KHÁC

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-------------------------|---------------------|---------------------|
| Lãi từ thanh lý tài sản | - | 784.636.364 |
| Thu nhập khác | 22.911.700 | 81.671.686 |
| | 22.911.700 | 866.308.050 |
| | 22.911.700 | 866.308.050 |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | 2025 VND | 2024 VND |
|-------------------------------|---------------------|---------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.314.391.011 | 1.095.870.000 |
| Chi phí nhân công | 103.582.691.098 | 93.000.271.867 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 15.000.000.000 | 14.500.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 103.453.837.139 | 84.198.497.419 |
| Chi phí khác | 2.001.391.247 | 1.821.105.935 |
| | 225.352.310.495 | 194.615.745.221 |

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư và các quy định về thuế có hiệu lực, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Chi phí thuế hiện hành

Đối chiếu lỗ kế toán trước thuế với lỗ tính thuế như sau:

| | 2025 VND | 2024 VND |
|---|---------------------|---------------------|
| Lỗ kế toán trước thuế | (4.189.310.221) | - |
| Lỗ tính thuế ước tính trong năm hiện hành | (4.189.310.221) | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính theo thuế suất thuế TNDN phù hợp | 20% (837.862.044) | 20% - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận | 837.862.044 | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

Việc tính toán chi phí thuế TNDN hiện hành phụ thuộc vào kết quả kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Công ty không trích thuế TNDN phải nộp do kết quả hoạt động kinh doanh lỗ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại từ lỗ tính thuế nói trên không được ghi nhận vào báo cáo tài chính đính kèm vì không có sự chắc chắn rằng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng được khoản lỗ tính thuế này.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUỐNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

Lỗ tính thuế có thể mang sang khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo trong vòng 5 năm kể từ năm lỗ phát sinh. Lỗ tính thuế thực tế có thể mang sang khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai phụ thuộc vào kết quả quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Số lỗ ước tính có thể khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai như sau:

| Năm phát sinh | Lỗ tính thuế VND | Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2025 VND | Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2025 VND | Năm hết hạn |
|----------------------|-----------------------------|---|---|--------------------|
| 2025 | (4.189.310.221) | - | (4.189.310.221) | 2030 |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐUÔNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

26. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI BÊN LIÊN QUAN

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 2025 VND | 2024 VND |
|---|---------------------|--|-----------------|-----------------|
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuông – Xí nghiệp Dịch vụ Tư vấn và Xây dựng | Xí nghiệp phụ thuộc | Tạm ứng tiền công trình | 8.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| | | Giá trị công trình đã quyết toán | 8.035.881.000 | 8.952.433.000 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 10.252.928.261 | 10.769.013.600 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi thành phố Bắc Ninh | Xí nghiệp phụ thuộc | Kinh phí đã cấp bằng tiền (chuyển khoản) | 11.630.000.000 | 9.840.000.000 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 11.771.188.489 | 11.018.148.232 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Quế Võ | Xí nghiệp phụ thuộc | Kinh phí đã cấp bằng tiền (chuyển khoản) | 21.400.000.000 | 17.890.000.000 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 21.732.049.079 | 20.270.792.969 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Tiên Du | Xí nghiệp phụ thuộc | Kinh phí đã cấp bằng tiền (chuyển khoản) | 17.050.000.000 | 14.380.000.000 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 17.531.577.401 | 16.087.543.635 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Từ Sơn | Xí nghiệp phụ thuộc | Kinh phí đã cấp bằng tiền (chuyển khoản) | 9.850.000.000 | 8.890.000.000 |
| | | Giá trị công trình đã quyết toán | - | 12.404.000 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 10.154.033.692 | 9.799.670.979 |
| Xí nghiệp Đầu mối Trịnh Xá – Long Tửu | Xí nghiệp phụ thuộc | Kinh phí đã cấp bằng tiền (chuyển khoản) | 6.700.000.000 | 6.110.000.000 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 7.017.773.850 | 6.512.682.280 |
| Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Yên Phong | Xí nghiệp phụ thuộc | Kinh phí đã cấp bằng tiền (chuyển khoản) | 20.080.000.000 | 17.520.000.000 |
| | | Giá trị công trình đã quyết toán | - | 15.080.680 |
| | | Chi phí đã quyết toán | 20.845.568.138 | 19.497.080.998 |

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

| | 2025 VND | 2024 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lương và các chi phí cho Ban Lãnh đạo | | |
| Lương và các lợi ích khác | 1.879.730.704 | 1.930.313.800 |

27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các nhân tố rủi ro tài chính

Các rủi ro Công ty có thể gặp bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của quản lý rủi ro tài chính cho Công ty.

Thông tin được trình bày dưới đây dựa trên những thông tin Ban Lãnh đạo nhận được:

(a) Rủi ro tín dụng

Công ty áp dụng các chính sách chỉ giao dịch với khách hàng có lịch sử tín nhiệm phù hợp, và khi cần sẽ yêu cầu thế chấp để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Đối với tài sản tài chính khác, Công ty áp dụng chính sách giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác được xếp hạng tín dụng cao.

Hạn mức tín dụng đối với các khách hàng do Tổng Giám đốc phê duyệt. Hồ sơ thanh toán và hạn mức tín dụng của khách hàng được theo dõi thường xuyên bởi kế toán và được báo cáo lên Ban Lãnh đạo. Các khoản phải thu thương mại của Công ty bao gồm 1 khách hàng lớn (31/12/2024: 1 khách hàng), chiếm 97% tổng giá trị phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

Định mức rủi ro tín dụng tối đa đối với từng nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm này trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính chủ yếu của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu thương mại và phải thu khác.

(i) *Các tài sản tài chính không quá hạn hoặc không giảm giá trị*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không quá hạn hoặc không giảm giá trị chủ yếu là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có xếp hạng tín dụng cao theo đánh giá của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chủ yếu từ các công ty có hồ sơ theo dõi thanh toán tốt.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác không quá hạn bao gồm trong số dư phải thu là triệu 4.583 triệu VND (31/12/2024: 1.334 triệu VND).

(ii) *Các tài sản tài chính quá hạn/hoặc giảm giá trị*

Không có nhóm tài sản tài chính nào khác bị quá hạn hoặc giảm giá trị.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

(b) Rủi ro thanh khoản

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính không phải sinh của Công ty thành các nhóm theo thời gian đáo hạn thích hợp dựa trên thời gian còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Số tiền được trình bày trong bảng là dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu.

| | Dưới 1 năm VND |
|--|-------------------|
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | |
| Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác | 41.597.251.043 |
| <hr/> | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 | |
| Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác | 20.397.634.859 |
| <hr/> | |

(c) Đo lường giá trị hợp lý

Số tiền ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu thương mại, tiền gửi và các khoản phải trả thương mại, phải trả khác xấp xỉ giá trị hợp lý của các khoản đó.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán bởi vì không có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh cần được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính năm hiện tại của Công ty. Báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán bởi 1 công ty kiểm toán khác.

Bảng cân đối kế toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Trích lược):

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 (Đã được báo cáo) VND | Phân loại lại VND | 31/12/2024 (Được phân loại lại) VND | Ghi chú |
|-------------------------------------|-------|-------------|--|----------------------|---|---------|
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 13 | 1.831.468.512 | (1.452.428.150) | 379.040.362 | (a) |
| Nguồn kinh phí | 431 | 18 | - | 1.452.428.150 | 1.452.428.150 | (a) |

(a) Điều chỉnh phần kinh phí ngân sách Nhà nước cấp vào nguồn kinh phí.

Người lập:



Ngô Thị Ngọc Yến
Kế toán
Bắc Ninh, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người kiểm tra:



Đặng Thị Dung
Phụ trách kế toán

Người Phụ trách:



Trần Trọng Thiêm
Kiểm soát viên

Người duyệt:



Nguyễn Văn Ty
Q. Chủ tịch

